TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Nguyện

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội X, thôn LĐ, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn TH, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc H; nơi cư trú: Đội X, thôn LĐ, xã VL, VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-5-2004. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời đầu và có hai con

chung. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ đầu năm 2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, anh H ghen tuông vô cớ nên thường xuyên bạo hành, đánh đập chị. Vợ chồng đối xử với nhau lạnh nhạt nên từ đầu năm 2019 đến nay chị đã về gia đình ở thôn TH, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H .

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc H có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 28-8-2004 và Nguyễn Ngọc Gia K, sinh ngày 09-9-2009, hiện nay đang ở với chị tại thôn TH, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh H.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và các văn bản khác, anh Nguyễn Ngọc H xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào đầu năm 2019 do anh có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng hiểu lầm nhau về tình cảm nên chị L đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn TH, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị Phạm Thị L xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 28-8-2004 và Nguyễn Ngọc Gia K, sinh ngày 09-9-2009, hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị L.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp

hành yêu cầu của Tòa án, không nộp bản tự khai không tham gia phiên họp, phiên hòa giải đầy đủ, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H. Về con chung: Giao cả hai con chung con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 28-8-2004 và Nguyễn Ngọc Gia K, sinh ngày 09-9-2009 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh H tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại thôn LĐ, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên, anh H vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn anh Nguyễn Ngọc H.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-5-2004, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2019 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa H , vợ chồng hiểu lầm nhau về tình cảm nên chị L đã về gia đình ở thôn TH, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, mỗi người ở

một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị L nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Phạm Thị L xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H có hai con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 28-8-2004 và Nguyễn Ngọc Gia K, sinh ngày 09-9-2009. Khi ly hôn, anh chị cùng đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh H và chị L đều có nơi ở và thu nhập ổn định. Tuy nhiên do đặc thù công việc của anh H thường đi làm ở xa, thỉnh thoảng mới về nhà, hiện hai con đang ở với chị L được chị và gia đình trực tiếp chăm sóc chu đáo, mặt khác hai con chung đều có nguyện vọng được ở với chị L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh H tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 28-8-2004 và Nguyễn Ngọc Gia K, sinh ngày 09-9-2009 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Ngọc H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007952 ngày 09-12-2019. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã VL huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền